TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnhphúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Huỳnh Thái Việt

. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Qúy Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Sinh năm: 1972; Hộ khẩu thường trú: TDP số 09, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH. Chỗ ở hiện nay: Thôn QP, xã VL, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Đắc D - Sinh năm: 1974; Hộ khẩu thường trú: TDP số 09, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A2, phân đội 24, huyện DK, tỉnh KH. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 9 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Đắc D tự nguyện kết hôn vào năm 1995 và và đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 cấp ngày 15/02/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng nhau và đỉnh điểm là vào tháng 9/2020 ông D đã có hành vi gây thương tích cho bà T. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Đắc D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Hồ Đắc Tr - sinh năm: 1995, Hồ Thúy V - sinh năm: 1999, Hồ Đắc X - sinh năm: 2001 (chết năm 2021). Con chung hiện đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày ngày 13/10/2022 bị đơn ông Hồ Đắc D trình bày:

Ông D và Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 1995 và và đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 cấp ngày 15/02/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cải vã. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Ông D đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Hồ Đắc Tr - sinh năm: 1995, Hồ Thúy V - sinh năm: 1999, Hồ Đắc X - sinh năm: 2001 (chết năm 2021). Con chung hiện đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

Vì phải đang chấp hành án trong trại giam nên ông D đề nghị được vắng mặt tại các buổi triệu tập, phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Vì lý do cá nhân nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề ngày 12/01/2023 xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Hồ Đắc D - hộ khẩu thường trú: TDP số 9 thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Tại phiên tòa ông D vắng mặt nhưng đã có lời khai xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của bà T, ông D và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Đắc D là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 cấp ngày 15/02/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của bà T và ông D, biên bản xác minh thì vợ chồng bà T, ông D hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà T và ông D là do giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng nhau và đỉnh điểm là vào tháng 9/2020 ông D đã có hành vi gây thương tích cho bà T. Ông D và bà T đều xác định hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng được ông Khương đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Về con chung: Bà T, ông D đều xác định giữa vợ chồng có 03 (ba) con chung là Hồ Đắc Tr - sinh năm: 1995, Hồ Thúy V - sinh năm: 1999, Hồ Đắc X - sinh năm: 2001 (chết năm 2021). Con chung hiện đã trưởng thành nên ông D và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông D đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Hồ Đắc D.

2. Về con chung: Các con chung hiện đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Đắc D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hồ Đắc D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003526 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh KH; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn VG;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh